

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11B/2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021

V/v “Tranh chấp Hôn nhân & gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Lợi và Ông Nguyễn Văn Lý.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ngô Văn Phú; Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Từ Thị Ngân _ Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “ Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐST ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1990, Có mặt.

Địa chỉ: Khối 4, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Đậu Đức L, sinh năm 1979, Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khối 4, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ hiện nay: Đang ở nước ngoài (NHẬT BẢN).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Hồ Thị T trình bày:

Chị và anh Đậu Đức L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Nay là phường X, thị xã Hoàng Mai), tỉnh Nghệ an vào ngày 26 tháng 5 năm 2011.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi anh L sang Lào làm ăn mỗi năm về được một đến hai lần thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Năm 2014 vợ chồng cãi nhau nhiều lần và chị bị anh L đánh gãy chân. Từ đó tình cảm vợ chồng nhạt phai, anh L vẫn đi làm ở Lào ít gọi điện thoại quan tâm đến vợ, con. Đến năm 2019 anh L đi xuất khẩu Lao động tại Nhật Bản. Tình cảm vợ chồng ngày càng tồi tệ, nên vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc với nhau do không quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, nay Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đậu Đức L để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Đậu Thị Thanh H, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2011 và cháu Đậu Đức Đ, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013 hiện Chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng các con. Ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra Chị T còn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đoàn tụ và các quan hệ tranh chấp.

Bị đơn Anh Đậu Đức L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã nhiều lần liên hệ với chính quyền địa phương và thân nhân của bị đơn để yêu cầu cung cấp thông tin về bị đơn nhưng thân nhân là mẹ đẻ của bị đơn không cung cấp được địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết để gửi lời khai về cho Tòa án theo đúng qui định của pháp luật. Các văn bản tố tụng gửi cho bị đơn được Tòa án tổng đạt cho thân nhân của anh L là bà Văn Thị M và niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Các cháu Đậu Thị Thanh H, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2011 và cháu Đậu Đức Đ, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013 đều có đơn trình bày nguyện vọng nếu bố, mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn mà người Việt Nam ở trong nước xin ly hôn với người Việt Nam ở nước ngoài và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của bị đơn mà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài. Tòa án đã căn cứ các qui định tại điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập được thông tin khẳng định bị đơn xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh vào ngày 21/5/2019 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài và hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Anh Đậu Đức L vắng mặt. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần trực tiếp gặp bà Thị Minh là mẹ đẻ của bị đơn để yêu cầu cung cấp thông tin về bị đơn như cung cấp địa chỉ nơi làm việc tại nước ngoài, tin tức và thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết để gửi lời khai về cho Tòa án nhưng đều không có kết quả, không cung cấp, không thực hiện được. Tại biên bản xác minh bà Văn Thị M là mẹ đẻ của bị đơn đã xác nhận thông tin: Bà là mẹ đẻ của anh Đậu Đức L hiện đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, anh L thường xuyên có liên lạc bằng điện thoại về cho gia đình tuy nhiên bà không biết được địa chỉ cụ thể của anh L Tại Nhật Bản. Tòa án đã nhiều lần trực tiếp gặp thân nhân của bị đơn để tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng và yêu cầu thân nhân hợp tác với Tòa án cung cấp thông tin địa chỉ và thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết để gửi lời khai về cho Tòa án nhưng không có kết quả. Bà Văn Thị M là mẹ đẻ của bị đơn và thân nhân gia đình bị đơn đã không cung cấp được thông tin về địa chỉ của bị đơn hiện tại ở nước ngoài. Tại biên bản xác minh đề ngày 26

tháng 11 năm 2020 bà M cho biết anh L thường xuyên điện thoại về cho gia đình và đã biết việc ly hôn. Về việc ly hôn anh L trao đổi với bà là T ưng (muốn) ly hôn thì cứ ly hôn, lấy ai thì cứ lấy còn địa chỉ cụ thể của anh L tại Nhật Bản thì anh L không cung cấp cho gia đình nên bà không biết.

Như vậy, thấy đã có đủ căn cứ xác định bị đơn là anh Đậu Đức L hiện đang lao động tại nước ngoài vẫn có liên hệ với thân nhân là mẹ đẻ ở trong nước nhưng thân nhân của bị đơn không cung cấp được địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết để gửi lời khai về cho Tòa án theo đúng qui định. Vì vậy Tòa án coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của bị đơn cũng không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Về thủ tục hòa giải và sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt và Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228; Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về hôn nhân: Căn cứ giấy tờ trích lục kết hôn của UBND phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ an cấp thì cho anh Đậu Đức L và chị Hồ Thị T đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Nay là phường Xuân, thị xã Hoàng Mai), tỉnh Nghệ an vào ngày 26 tháng 5 năm 2011. Việc đăng ký đã vào sổ đăng ký kết hôn số 25/2011 ngày 26/5/2011 nên hôn nhân giữa Chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu được ly hôn với Anh Đậu Đức L vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Tuy không thu thập được ý kiến của anh L về yêu cầu khởi kiện nhưng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn nữa, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu được ly hôn của Chị T để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng.

[3]. Về nuôi con chung: Chị T cho rằng Vợ chồng có 02 con chung là Đậu Thị Thanh H, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2011 và cháu Đậu Đức Đ, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013 hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng các con. Ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh Đậu Đức L vắng mặt Tòa án không thu thập được ý kiến nguyện vọng gì nhưng xét thấy các cháu là Đậu Thị Thanh H và cháu Đậu Đức Đ được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng, việc trình bày về con chung của Chị T là có căn cứ. Hiện anh L đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ, không có thông tin, ý kiến gì về giải quyết vụ án cũng như việc nuôi con chung. Như vậy, xét nguyện vọng nuôi con chung của Chị T là chính đáng, tự nguyện, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con và đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, cần chấp nhận giao các con chung của vợ chồng là Đậu Thị Thanh H, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2011 và cháu Đậu Đức Đ, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013 cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Đậu Đức L có

quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị T không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Hồ Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị T được ly hôn với Anh Đậu Đức L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Đậu Thị Thanh H, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2011 và cháu Đậu Đức Đ, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013 cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi). Tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh anh Đậu Đức L. Sau khi ly hôn anh Đậu Đức L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000146 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đậu Đức L có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hải Minh